

Số / No: 04/2026/TT-HĐQT-VMPI

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026  
Hanoi, March 30, 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: **Cập nhật ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty**

### **REPORT**

**Re: Amendments and Updates to the Company's business lines**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam**  
**To: The General Meeting of Shareholders of Vietnam Medical and Pharmaceutical Investment Joint Stock Company**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
*Pursuant to the Law on Enterprises 2020, the amended Law on Enterprises 2025, and their guiding regulations;*
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Chứng khoán sửa đổi 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
*Pursuant to the Law on Securities 2019, the amended Law on Securities 2024, and their guiding regulations;*
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam.  
*Pursuant to the Company Charter of Vietnam Medical and Pharmaceutical Investment Joint Stock Company.*
- Căn cứ nhu cầu thực tế và mục tiêu phát triển của Công ty.  
*Pursuant to the Company's actual needs and development objectives.*

Căn cứ vào Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2026 được ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Chính phủ, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế – Dược phẩm Việt Nam (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua một số nội dung liên quan đến việc cập nhật ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty để phù hợp với hệ thống ngành nghề theo quy định pháp luật mới, cụ thể như sau:

*Based on the System of Vietnam's economic sectors in 2026 issued together with the Government's Decision No. 36/2025/QĐ-TTg, the Board of Directors of Vietnam Medical and Pharmaceutical Investment Joint Stock Company (the "Company") respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval of a number of contents related to updating the Company's business registration lines to suit in accordance with the system of industries according to the new legal provisions, specifically as follows:*

Cập nhật một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

*To amend details of certain business lines of the Company, specifically as follows:*

TT No	DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VMPI TRƯỚC CẬP NHẬT <i>VMPI PRE-UPDATED BUSINESS LINES</i>		DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VMPI SAU CẬP NHẬT (căn cứ theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) <i>VMPI's BUSINESS LINES AFTER UPDATE</i> (pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg)	
	Tên ngành, nghề kinh doanh <i>Name of business lines</i>	Mã ngành <i>Code</i>	Tên ngành, nghề kinh doanh <i>Name of business lines</i>	Mã ngành <i>Code</i>
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn <i>Repair of fabricated metal products</i>	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn <i>Repair and maintenance of fabricated metal products</i>	3311
2	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Repair of machinery and equipment</i>	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị <i>Repair and maintenance of machinery and equipment</i>	3312
3	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học <i>Repair of electronic and optical equipment</i>	3313	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học <i>Repair and maintenance and installation of electronic and optical equipment</i>	3313
4	Sửa chữa thiết bị điện <i>Repair of electrical equipment</i>	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện <i>Repair and maintenance of electrical equipment</i>	3314
5	Sửa chữa thiết bị khác <i>Repair of other equipment</i>	3319	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác <i>Repair and maintenance of other equipment</i>	3319
6	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of motor vehicles</i>	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of automobiles and other motor vehicles</i>	4661
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác <i>Maintenance and repair of motor vehicles and other motor vehicles</i>	4520	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác <i>Repair and maintenance of automobiles and other motor vehicles</i>	9531
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Sale of parts and accessories for motor vehicles and other motor vehicles</i>	4530	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Wholesale of parts and accessories for automobiles and other motor vehicles</i>	4662
9	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Wholesale of computers, computer peripheral equipment and software</i> (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) ( <i>Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors or foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise export, import, and distribution rights.</i> )	4651	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Wholesale of computers, computer peripheral equipment and software</i> (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) ( <i>Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors or foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise export, import, and distribution rights.</i> )	4651

TT No	DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VMPI TRƯỚC CẬP NHẬT <i>VMPI PRE-UPDATED BUSINESS LINES</i>		DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VMPI SAU CẬP NHẬT (căn cứ theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) <i>VMPI's BUSINESS LINES AFTER UPDATE</i> (pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg)	
	Tên ngành, nghề kinh doanh <i>Name of business lines</i>	Mã ngành <i>Code</i>	Tên ngành, nghề kinh doanh <i>Name of business lines</i>	Mã ngành <i>Code</i>
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Wholesale of metals and metal ores</i> Chi tiết: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) <i>Details: Wholesale of copper, lead, aluminum, zinc; Wholesale of iron and steel; Wholesale of metal ores (except uranium and thorium ores).</i> <i>(Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)</i>	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Wholesale of metals and metal ores</i> Chi tiết: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) <i>Details: Wholesale of copper, lead, aluminum, zinc; Wholesale of iron and steel; Wholesale of metal ores (except uranium and thorium ores).</i> <i>(Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)</i>	4672
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of construction materials, equipment and supplies</i>	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of other construction materials and installation equipment</i>	4673
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Other specialized wholesale not elsewhere classified</i> (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) <i>(Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)</i>	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Other specialized wholesale n.e.c.</i> (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) <i>(Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)</i>	4679

TT No	DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VMPI TRƯỚC CẬP NHẬT <i>VMPI PRE-UPDATED BUSINESS LINES</i>		DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VMPI SAU CẬP NHẬT (căn cứ theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg) <i>VMPI's BUSINESS LINES AFTER UPDATE</i> (pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg)	
	Tên ngành, nghề kinh doanh <i>Name of business lines</i>	Mã ngành <i>Code</i>	Tên ngành, nghề kinh doanh <i>Name of business lines</i>	Mã ngành <i>Code</i>
13	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Retail sale of computers, peripheral units, software and telecommunications equipment in specialized stores</i> (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) (Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)	4741	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông <i>Retail sale of information and communication equipment</i> (Trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) (Except for exercising the right to export, import, and distribute goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)	4740
14	Lập trình máy vi tính <i>Computer programming activities</i>	6201	Lập trình máy tính khác <i>Other computer programming activities</i>	6219
15	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính <i>Computer consultancy and computer system management</i>	6202	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính <i>Computer consultancy and computer facilities management activities</i>	6220
16	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính <i>Other information technology and computer service activities</i>	6209	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác <i>Other information technology and computer service activities</i>	6290
17	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi <i>Repair of computers and peripheral equipment</i>	9511	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính và thiết bị thông tin và truyền thông <i>Repair and maintenance of computers and communication equipment</i>	9510
18	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ Tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) <i>Management consultancy activities</i> (excluding financial, accounting, legal consulting)	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Trừ Tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) <i>Business and other management consultancy activities</i> (excluding financial, accounting, legal consulting)	7020
19	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp <i>Combined office administrative service activities</i>	8211	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng <i>Office administrative and support activities</i>	8210

2. Sửa đổi Điều 3 tại Chương III của Điều lệ hiện hành của Công ty để cập nhật các nội dung thay đổi nêu tại Mục 1 Tờ trình này / *Amend Article 3, Chapter III of the Company's current Charter to align with the changes specified in Section 1 of this Report.*

3. Triển khai thực hiện / *Implementation:*

Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty: (i) thực hiện các thủ tục cần thiết tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cập nhật các ngành nghề kinh doanh nêu trên theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty; (ii) hoàn thiện, ký và ban hành toàn văn Điều lệ Công ty ghi nhận các sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật hiện hành; (iii) thực hiện việc công bố thông tin về việc cập nhật ngành nghề theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

*Authorize the Company's Legal Representative to: (i) carry out necessary procedures with competent State authorities to register the addition of the above-mentioned business lines in accordance with current laws and the Company's Charter; (ii) finalize, sign, and promulgate the full text of the Company's Charter incorporating the amendments and supplements approved by the General Meeting of Shareholders in accordance with applicable laws; and (iii) disclose information regarding the addition of business lines in accordance with the law and the Company's Charter.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*We hereby submit to the General Meeting of Shareholders for review and approval.*

**Nơi nhận / Recipients:**

- Như kính gửi / *As addressed;*
- HĐQT, BKS / *BOD, BKS;*
- Lưu VT / *Archive.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
(O/B) BOARD OF DIRECTORS  
CHAIRMAN**

**VŨ KHÁNH DIN  
MR. VU KHANH DIN**